

NỘI DUNG ÔN TẬP KTGKI – MÔN ĐỊA 12XH (Bài 1, 2, 3, 5, 7)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: Gồm 3 dạng thức

1. Trắc nghiệm khách quan

BÀI 1 - VTĐL, PHẠM VI LÃNH THỔ

Câu 1: Điểm cực Nam nước ta nằm tại đâu?

- A. Xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. B. Xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.
C. Xã Vạn Thạch, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. D. Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Câu 2: Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm

- A. vùng trời, vùng nước và vùng đất. B. vùng núi, vùng biển và vùng trời.
C. vùng đồng bằng, vùng biển và vùng trời. D. vùng đất, vùng biển và vùng trời.

Câu 3: Vùng biển nước ta bao gồm

- A. nội thủy, lãnh hải, vùng gần lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
B. nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
C. nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng kinh tế và thềm lục địa.
D. nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng đất.

Câu 4: Thiên nhiên nước ta mang tính chất

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa. B. cận nhiệt đới gió mùa.
C. ôn đới gió mùa. D. cận xích đạo.

Câu 5: Nước ta nằm kề hai vành đai sinh thái

- A. Thái Bình Dương và Địa Trung Hải. B. Đại Tây Dương và Địa Trung Hải.
C. Ấn Độ Dương và Địa Trung Hải. D. Bắc Băng Dương và Địa Trung Hải.

Câu 6: Hệ tọa độ địa lí phần đất liền nước ta là

- A. $23^{\circ}20'B$ - $8^{\circ}30'B$ và $102^{\circ}09'D$ - $109^{\circ}24'D$. B. $23^{\circ}23'B$ - $8^{\circ}30'B$ và $102^{\circ}09'D$ - $109^{\circ}28'D$.
C. $23^{\circ}23'B$ - $8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D$ - $109^{\circ}28'D$. D. $23^{\circ}23'B$ - $8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D$ - $109^{\circ}20'D$.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây đúng về vị trí địa lí của nước ta?

- A. Thuộc bán đảo Đông Dương. B. Trong vùng ôn đới.
C. Phía đông của Biển Đông. D. Trong vùng ít thiên tai.

Câu 8: Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

- A. Á-Âu và Bắc Băng Dương. B. Á-Âu và Đại Tây Dương.
C. Á-Âu và Ấn Độ Dương. D. Á-Âu và Thái Bình Dương.

Câu 9: Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các

- A. hải đảo. B. đảo ven bờ. C. đảo xa bờ. D. quần đảo.

Câu 10: Hai vịnh biển có diện tích lớn nhất nước ta là

- A. vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan. B. vịnh Bắc Bộ và vịnh Nha Trang.
C. vịnh Thái Lan và vịnh Vân Phong. D. vịnh Bắc Bộ và vịnh Vân Phong.

BÀI 2-THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

Câu 1: Tổng số giờ nắng nước ta dao động từ

- A. 1000 – 1500 giờ. B. 1500 – 2000 giờ. C. 1400 – 3000 giờ. D. 1400 – 2000 giờ.

Câu 2: Biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta thể hiện qua mấy yếu tố?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3: Nhiệt độ trung bình năm của nước ta?

- A. Trên $20^{\circ}C$. B. Dưới $20^{\circ}C$. C. Trên $21^{\circ}C$. D. Dưới $21^{\circ}C$.

Câu 4: Nước ta có các khối khí hoạt động theo mùa hình thành mùa gió chính là

- A. gió mùa đông và gió mùa hạ. B. gió mùa lạnh và gió mùa nóng.
C. gió mùa xuân và gió mùa thu. D. gió mùa đông và gió mùa thu.

Câu 5: Lượng mưa trung bình năm của nước ta?

- A. 1000 – 1500mm. B. 1500 – 2000mm. C. 2000 – 3000mm. D. 3500 – 4000mm.

Câu 6: Độ ẩm không khí trung bình hàng năm của nước ta?

- A. Trên 80%. B. Trên 85%. C. Trên 90%. D. Trên 95%.

Câu 7: Gió mùa đông hoạt động vào thời gian nào?

- A. tháng 11 đến tháng 4 năm sau. B. tháng 5 đến tháng 10
C. tháng 6 đến tháng 12. D. tháng 1 đến tháng 11.

Câu 8: Gió mùa đông có hướng

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Nam. D. Tây Bắc.

Câu 9: Gió mùa hạ hoạt động vào thời gian nào?

- A. tháng 11 đến tháng 4 năm. B. tháng 5 đến tháng 10.
C. tháng 6 đến tháng 12. D. tháng 1 đến tháng 11.

Câu 10: Nước ta có mấy mùa gió chính?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 11: Gió mùa hạ có hướng

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Nam. D. Tây Bắc.

Câu 12: Ở khu vực đồi núi, quá trình nào sau đây diễn ra mạnh?

- A. phong hóa. B. xâm thực. C. bồi tụ. D. xói mòn.

Câu 13: Loại đất chủ yếu ở nước ta là

- A. đất feralit. B. đất mùn. C. đất badan. D. đất cát.

Câu 14: Nước ta mạng lưới sông ngòi dày đặc với bao nhiêu con sông có chiều dài từ 10km trở lên?

- A. 2360 B. 2370 C. 2380 D. 2390

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu Việt Nam?

- A. Khí hậu có sự phân hoá đa dạng. B. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.
C. Mùa đông lạnh kéo dài 2 - 3 tháng. D. Chịu tác động sâu sắc của gió mùa.

Câu 16: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

- A. ảnh hưởng của biển Đông rộng lớn. B. ảnh hưởng sâu sắc hoàn lưu gió mùa.
C. vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến. D. chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

Câu 17: Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có

- A. mưa nhiều vào thu đông. B. lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
C. thời tiết đầu hạ khô nóng. D. hai mùa khác nhau rõ rệt.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta?

- A. Cán cân bức xạ quanh năm âm. B. Sinh vật cận nhiệt đới chiếm ưu thế.
C. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi. D. Chế độ nước sông không phân mùa.

Câu 19: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng thưa nhiệt đới khô. B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
C. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. D. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

Câu 20: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh. B. Tích tụ ôxít sắt Fe_2O_3 .
C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất bazơ. D. Tích tụ ôxít nhôm Al_2O_3 .

Câu 21: Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với

- A. gió Tây ôn đới. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 22: Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. chế độ mưa mùa. B. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
C. hoạt động của bão. D. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.

Câu 23: Gió nào sau đây gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ?

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 24: Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có

- A. mưa lớn vào đầu mùa hạ. B. lượng bức xạ Mặt Trời lớn.

C. hai mùa khác nhau rõ rệt.

D. mưa nhiều vào thu đông.

Câu 25. Vào đầu mùa hạ, gió mùa mùa hạ xuất phát từ đâu?

A. Áp cao bắc Ấn Độ Dương.

B. Biển Đông.

C. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

D. Cao áp Xi bia.

Câu 26. Đặc điểm của đất feralit là

A. có màu đỏ vàng, chua.

B. có màu đen, xốp thoát nước.

C. có màu đỏ vàng, mặn.

D. có màu nâu, khó thoát nước.

Câu 27. Gió mùa hoạt động ở nước ta gồm

A. gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

B. gió mùa mùa đông và tín phong bán cầu Bắc.

C. gió mùa mùa hạ và tín phong bán cầu Bắc.

D. gió mùa mùa hạ và tín phong bán cầu Nam.

Câu 28. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi nước ta?

A. Mạng lưới dày đặc.

B. Nhiều nước quanh năm.

D. Thủy chế theo mùa.

C. Có trữ lượng phù sa lớn.

Câu 29. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về đặc điểm gió mùa ở nước ta?

A. Gió mùa mùa hạ có hướng chính là đông nam.

B. Gió mùa mùa hạ có nguồn gốc từ cao áp Xibia.

C. Gió mùa mùa đông thổi liên tục từ tháng 11 đến tháng 4.

D. Gió mùa mùa đông thổi từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4.

Câu 30. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta biểu hiện ở đặc điểm nào sau đây?

A. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, ít phù sa, chế độ nước thất thường.

B. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước theo mùa.

C. Sông ngòi dày đặc, có nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước ổn định.

D. Sông ngòi dày đặc, chủ yếu hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.

BÀI 3- THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

Câu 1: Thiên nhiên nước ta phân hóa đa dạng theo chiều

A. Bắc – Nam, Đông – Tây, độ cao.

B. Bắc – Đông, Đông - Tây, độ cao.

C. Bắc – Nam, Đông – Tây, độ dài.

D. Bắc – Tây, Đông – Nam, độ cao.

Câu 2: Ranh giới của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ từ

A. núi Hoàng Sơn trở vào nam.

B. núi Trường Sơn trở vào nam.

C. núi Bạch Mã trở vào nam.

D. núi Hoàng Liên Sơn trở vào nam.

Câu 3: Nhiệt độ trung bình năm của phần lãnh thổ phía Bắc?

A. Trên 20°C.

B. Dưới 20°C.

C. Trên 21°C.

D. Dưới 21°C.

Câu 4: Đặc trưng khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc là

A. nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa thu mát.

B. nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh.

C. nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông mát.

D. nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa thu lạnh.

Câu 5: Hệ sinh thái tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là

A. rừng nhiệt đới gió mùa.

B. rừng ôn đới ẩm.

C. rừng cận nhiệt.

D. rừng lá kim núi cao.

Câu 6: Nhiệt độ trung bình năm của phần lãnh thổ phía Nam?

A. 25°C

B. Dưới 25°C

C. 25.5°C.

D. Trên 25°C.

Câu 7: Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam mang sắc thái của khí hậu

A. cận xích đạo gió mùa.

B. xích đạo gió mùa.

C. nhiệt đới gió mùa.

D. cận nhiệt gió mùa.

Câu 8: Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam có 2 mùa

A. mưa và khô.

B. nắng và mưa.

C. nóng và lạnh.

D. rét và ẩm.

Câu 9: Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam là

- A. rừng xích đạo gió mùa.
- B. rừng cận nhiệt gió mùa.
- C. rừng nhiệt đới gió mùa.
- D. rừng cận xích đạo gió mùa.

Câu 10: Từ đông sang tây, thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành bao nhiêu khu vực?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 11: Thiên nhiên phân quá theo chiều đông – tây thành các khu vực

- A. vùng hồ và thềm lục địa, vùng đồng bằng, vùng đồi núi.
- B. vùng biển và thềm lục địa, vùng đồng bằng, vùng đồi núi.
- C. vùng sông và thềm lục địa, vùng đồng bằng, vùng đồi núi.
- D. vùng biển và thềm lục địa, vùng cao nguyên, vùng đồi núi.

Câu 12: Thiên nhiên nước ta được phân hóa thành mấy đai cao?

- A. 6
- B. 5
- C. 4
- D. 3

Câu 13: Theo độ cao, thiên nhiên nước ta được phân hóa thành các đai

- A. nhiệt đới gió mùa, nhiệt đới gió mùa trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.
- B. nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt gió mùa trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.
- C. cận đới gió mùa, cận nhiệt gió mùa trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.
- D. cận nhiệt gió mùa, nhiệt đới gió mùa trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.

Câu 14: Ranh giới của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ phía tây và tây nam từ

- A. dọc hữu ngạn sông Hồng và rìa Đông Nam đồng bằng Bắc Bộ.
- B. dọc hữu ngạn sông Hồng và rìa Tây Nam đồng bằng Bắc Bộ.
- C. dọc hữu ngạn sông Hồng và rìa Tây Bắc đồng bằng Bắc Bộ.
- D. dọc hữu ngạn sông Hồng và rìa Đông Bắc đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 15: Ranh giới của miền Trung và Bắc Trung Bộ

- A. từ ranh giới miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ đến dãy Bạch Mã.
- B. từ ranh giới miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ đến dãy Hoành Sơn.
- C. từ ranh giới miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ đến dãy Trường Sơn.
- D. từ ranh giới miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ đến đèo Ngang.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.
- B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C.
- C. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.
- D. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.

Câu 17: Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ qua các thành phần

- A. khí hậu, đất đai, sinh vật.
- B. sông ngòi, đất đai, khí hậu.
- C. sinh vật, đất đai, sông ngòi.
- D. khí hậu, sinh vật, sông ngòi.

Câu 18: Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có đặc điểm là

- A. các tháng đều có nhiệt độ trên 25°C.
- B. không có tháng nào nhiệt độ trên 20°C.
- C. nhiệt độ trung bình các tháng dưới 25°C.
- D. chỉ có 2 tháng nhiệt độ dưới 25°C.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

- A. Trong năm có một mùa đông lạnh.
- B. Thời tiết thường diễn biến phức tạp.
- C. Có một mùa khô sâu sắc kéo dài.
- D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao của nước ta?

- A. Nhóm đất feralit chiếm phần lớn diện tích đai nhiệt đới gió mùa.
- B. Ranh giới đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi miền Bắc thấp hơn miền Nam.
- C. Các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya chỉ có ở độ cao trên 2600m.
- D. Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

BÀI 5-SỬ DỤNG HỢP LÍ TNTN-BVMT

Câu 1: Sinh vật nước ta có tính đa dạng cao, thể hiện ở

- A. thành phần loài, hệ sinh thái và nguồn gen.
- B. số lượng, hệ sinh thái và nguồn gen.
- C. thành phần loài, số lượng và nguồn gen.
- D. thành phần loài, hệ sinh thái và số lượng.

Câu 2: Các hệ sinh thái tự nhiên ở nước ta hiện nay đang

- A. giảm dần về quy mô và chất lượng. B. tăng mạnh về quy mô và chất lượng.
C. giảm mạnh về quy mô và chất lượng. D. giảm mạnh về quy mô và chất lượng.
- Câu 3:** Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân sinh vật nước ta suy giảm?
A. Khai thác hợp lý. B. Biến đổi khí hậu.
C. Thiếu môi trường sống. D. Không thích nghi được môi trường.
- Câu 4:** Nguyên nhân nào dưới đây gây suy thoái nguyên đất?
A. Sử dụng nước lãng phí. B. Sinh vật sinh sống quy mô lớn.
C. Sử dụng phân hóa học trồng cây. D. Sử dụng giấy bừa bãi.
- Câu 5:** Giải pháp nào dưới đây là giải pháp bảo vệ tài nguyên nước?
A. Hạn chế sử dụng nước trong sản xuất. B. Xử lý nước thải sản xuất, sinh hoạt.
C. Sử dụng phân hóa học trồng cây. D. Sử dụng lãng phí nước.
- Câu 6:** Giải pháp nào dưới đây là giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta?
A. Khai thác, sử dụng tiết kiệm. B. Hạn chế quản lý tài nguyên nước.
C. Sử dụng phân hóa học trồng cây. D. Hạn chế khai thác tài nguyên.
- Câu 7:** Tài nguyên nước gồm
A. nước mặt và nước ngầm. B. nước mặn và nước ngầm.
C. nước mặn và nước ngọt. D. nước ngọt và nước ngầm.
- Câu 8:** Tổng lượng dòng chảy mặt trên lãnh thổ nước ta trên
A. 820 tỉ m³. B. 830 tỉ m³. C. 840 tỉ m³. D. 850 tỉ m³.
- Câu 9:** Nước mặt và nước ngầm đang
A. suy giảm chất lượng. B. tăng chất lượng.
C. tăng mạnh chất lượng. D. giảm mạnh chất lượng.
- Câu 10:** Diện tích đất bị suy thoái chiếm bao nhiêu % tổng diện tích tự nhiên?
A. 1% B. 2% C. 3% D. 4%
- Câu 11:** Trong cơ cấu sử dụng đất năm 2021, diện tích đất nào dưới đây chiếm chủ yếu?
A. Đất nông nghiệp. B. Đất phi nông nghiệp. C. Đất chưa sử dụng. D. Đất thoái hóa.
- Câu 12:** Tổng trữ lượng tiềm năng dưới đất khoảng
A. 91m³/năm. B. 92m³/năm. C. 93m³/năm. D. 94m³/năm.
- Câu 13:** Nguyên nhân nào dưới đây gây suy giảm sinh vật?
A. Thời tiết nóng ẩm khó chịu. B. Khai thác quá mức tài nguyên.
C. Con người thu hẹp diện tích rừng. D. Sử dụng nước lãng phí.
- Câu 14:** Nước ta đang có bao nhiêu % diện tích đất đang có dấu hiệu suy thoái?
A. 7,1% B. 7,2% C. 7,3% D. 7,4%
- Câu 15:** Diện tích đất nông nghiệp chiếm bao nhiêu % tổng diện tích tự nhiên?
A. 84,2% B. 84,3% C. 84,4% D. 84,5%
- Câu 16:** Tài nguyên đất đang bị suy thoái là do?
A. Khai thác tài nguyên thiếu hợp lý. B. Trồng rừng phủ xanh.
C. Sử dụng phân bón hữu cơ. D. Xả nước qua xử lý xuống đất.
- Câu 17:** Hành vi nào sau đây **không** sử dụng hợp lý tài nguyên đất?
A. Trồng rừng và bảo vệ rừng. B. Thích ứng với biến đổi khí hậu.
C. Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ. D. Xả rác thải ra môi trường.
- Câu 18:** Tài nguyên sinh vật đang bị suy thoái là do?
A. Xả chất thải qua xử lý ra môi trường. B. Khai thác lâm sản quá mức.
C. Khai thác sinh vật hợp lý. D. Ngăn chặn chặt rừng.
- Câu 19:** Tài nguyên nước đang bị suy thoái là do?
A. Khai thác nguồn nước vừa đủ. B. Nước thải đã qua xử lý.
C. Xả nước thải chưa xử lý. D. Ngăn chặn trồng rừng.
- Câu 20:** Lượng dòng chảy trên mặt lãnh thổ bao nhiêu % nguồn gốc từ bên ngoài?
A. 50 B. 60 C. 70 D. 80

BÀI 7-DÂN SỐ

Câu 1. Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 2. Dân số Việt Nam đứng thứ ba Đông Nam Á sau các quốc gia nào sau đây?

- A. In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin.
- B. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.
- C. In-đô-nê-xi-a và Thái Lan.
- D. In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma.

Câu 3. Vùng nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm phân bố dân cư nước ta?

- A. Không đều giữa đồng bằng với miền núi.
- B. Mật độ dân số trung bình khá cao.
- C. Trong một vùng, dân cư phân bố đồng đều.
- D. Không đều giữa thành thị với nông thôn.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm dân cư nước ta hiện nay?

- A. Tỷ suất sinh cao, tỷ suất tử cao.
- B. Dân số nước ta còn tăng nhanh.
- C. Đang trong thời kì dân số vàng.
- D. Nước ta có dân số đông, nhiều dân tộc.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư ở vùng đồng bằng nước ta?

- A. Tỷ suất sinh cao hơn miền núi.
- B. Có rất nhiều dân tộc ít người.
- C. Mật độ dân số thấp hơn miền núi.
- D. Chiếm phần lớn số dân cả nước.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều dân tộc ít người.
- B. Gia tăng tự nhiên rất cao.
- C. Dân tộc Kinh là đông nhất.
- D. Có quy mô dân số lớn.

Câu 8. Tỷ trọng cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng

- A. nhóm 0-14 tuổi tăng, nhóm 15-64 tuổi giảm, nhóm 65 tuổi trở lên giảm.
- B. nhóm 0-14 tuổi tăng, nhóm 15-64 tuổi giảm, nhóm 65 tuổi trở lên tăng.
- C. nhóm 0-14 tuổi giảm, nhóm 15-64 tuổi tăng, nhóm 65 tuổi trở lên tăng.
- D. nhóm 0-14 tuổi giảm, nhóm 15-64 tuổi giảm, nhóm 65 tuổi trở lên tăng.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây không đúng với dân số nước ta?

- A. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
- B. Gia tăng dân số tự nhiên ngày càng giảm.
- C. Dân cư phân bố hợp lí giữa thành thị và nông thôn.
- D. Đang có biến đổi nhanh về cơ cấu theo nhóm tuổi.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng về mật độ dân số nước ta?

- A. Ngày càng giảm.
- B. Ngày càng tăng.
- C. Ít biến động.
- D. Mật độ thấp.

Câu 11. Tỷ trọng nhóm tuổi từ 65 trở lên ở nước ta có xu hướng tăng là do

- A. tuổi thọ trung bình thấp.
- B. hệ quả của tăng dân số.
- C. tỉ lệ gia tăng dân số giảm.
- D. mức sống được nâng cao.

Câu 12. Gia tăng dân số trung bình ở nước ta cao nhất vào thời kì nào sau đây?

- A. Từ 1943 đến 1954.
- B. Từ 1954 đến 1960.
- C. Từ 1960 đến 1970.
- D. Từ 1970 đến 1975.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây không đúng với dân cư nước ta?

- A. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
- B. Gia tăng dân số giảm, thời kì dân số vàng.
- C. Dân cư phân bố đồng đều giữa thành thị và nông thôn.
- D. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi có biến đổi nhanh chóng.

Câu 14. Việc phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc ít người ở nước ta cần được chú trọng hơn nữa do

- A. các dân tộc ít người có kinh nghiệm sản xuất phong phú.
- B. Nhà nước chưa chú trọng vấn đề phát triển kinh tế ở đây.
- C. các dân tộc ít người có vai trò lớn nhất trong phát triển kinh tế - xã hội.
- D. sự phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc hiện có sự chênh lệch.

Câu 15. Dân số nước ta phân bố không đều đã ảnh hưởng đến vấn đề chủ yếu nào sau đây?

- A. Việc phát triển giáo dục, y tế. B. Vấn đề giải quyết việc làm.
C. Khai thác tài nguyên và giải quyết việc làm. D. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Câu 16. Tỉ trọng các nhóm tuổi trong cơ cấu dân số nước ta theo thứ tự giảm dần là

- A. dưới độ tuổi lao động, trong độ tuổi lao động, trên độ tuổi lao động.
B. trong độ tuổi lao động, dưới độ tuổi lao động, trên độ tuổi lao động.
C. trên độ tuổi lao động, trong độ tuổi lao động, dưới độ tuổi lao động.
D. trong độ tuổi lao động, trên độ tuổi lao động, dưới độ tuổi lao động.

Câu 17. Dân số nước ta tăng nhanh gây hệ quả nào sau đây?

- A. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh. B. Nguồn lao động đông, tăng nhanh.
C. Gây sức ép đến kinh tế, xã hội, môi trường. D. Đẩy nhanh quá trình hội nhập với thế giới.

Câu 18. Phân bố dân cư không hợp lí đã ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế của nước ta?

- A. Khó khăn cho việc khai thác tài nguyên thiên nhiên. B. Khó khăn để nâng cao mức sống cho người lao động.
C. Khó khăn cho vấn đề việc làm và nhà ở. D. Gây ô nhiễm môi trường ở tất cả các vùng.

Câu 19. Chiến lược phát triển dân số hợp lí của nước ta không có nội dung nào sau đây?

- A. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế mỗi năm. B. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ở nông thôn.
C. Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số. D. Phát huy tối đa những lợi thế cơ cấu dân số vàng.

Câu 20. Đối với đồng bào các dân tộc, vấn đề mà nhà nước ta đang đặc biệt quan tâm là

- A. các dân tộc ít người sống tập trung ở miền núi. B. mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa riêng.
C. sự chênh lệch lớn về phát triển kinh tế - xã hội. D. sự phân bố các dân tộc đã có nhiều thay đổi.

2. Câu hỏi đúng sai (Đ/S)

Câu 1. Nhiệt độ trung bình năm đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao). Lượng mưa trung bình năm 1500 – 2000 mm/năm, độ ẩm trên 80%. Chịu tác động mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa, với hai mùa gió chính là gió mùa đông và gió mùa hạ.

- a) Đây là đặc điểm của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
b) Trên lãnh thổ nước ta chỉ có gió mùa hoạt động.
c) Nhiệt độ trung bình năm lớn do nằm trong vùng nội chí tuyến.
d) Lượng mưa phân bố đều trên khắp lãnh thổ do các khối khí di chuyển qua biển.

Câu 2. Càng lên cao, nhiệt độ và độ ẩm không khí càng thay đổi. Sự thay đổi của khí hậu kéo theo sự biến đổi của các thành phần tự nhiên khác, đặc biệt là sinh vật và thổ nhưỡng.

- a) Đây là sự thay đổi về khí hậu theo Bắc – Nam.
b) Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở phần lãnh thổ phía Bắc thấp hơn ở phần lãnh thổ phía Nam.
c) Hoàng Liên Sơn xuất hiện thành phần loài ôn đới.
d) Đất feralit chỉ có ở đai nhiệt đới gió mùa chân núi.

Câu 3. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, trong khu vực hoạt động của Mậu dịch và gió mùa châu Á, nên thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Ngoài ra nước ta còn tiếp giáp vùng biển Đông rộng lớn với lượng nhiệt và ẩm dồi dào. Đặc điểm địa hình cùng với sự di chuyển của các khối khí qua biển vào lãnh thổ nước ta, đã làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

- a) Nước ta có nền nhiệt độ cao, lượng mưa trung bình thấp.
b) Hình thành 2 mùa gió chính là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.
c) Chế độ nước sông theo mùa, mùa lũ tương ứng với mùa đông.
d) Thiên nhiên phân hóa theo chiều Bắc – Nam do hình thể và gió mùa.

Câu 4. Cho bảng số liệu: Nhiệt độ trung bình tại một số địa điểm

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng 1($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)
Lạng Sơn(Lạng sơn)	13,1	21,7	21,3
Láng(Hà Nội)	16,6	29,4	23,9
Huế (Thừa Thiên Huế)	19,9	29,2	25,1
Cần Thơ(TP. Cần Thơ)	25,4	26,9	25,9

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng- QCVN 02:2021/BXD)

a) Nhiệt độ trung bình năm nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam.

b) Biên độ nhiệt năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

c) Nước ta nằm trong vùng nhiệt đới.

d) Miền Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào mùa đông.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Càng lên cao, nhiệt độ và độ ẩm không khí càng thay đổi. Sự thay đổi của khí hậu kéo theo sự biến đổi của các thành phần tự nhiên khác, đặc biệt là sinh vật và thổ nhưỡng.

a) Đây là sự thay đổi về khí hậu theo Bắc - Nam. (Sai)

b) Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở phần lãnh thổ phía Bắc thấp hơn ở phần lãnh thổ phía Nam. (Đúng)

c) Hoàng Liên Sơn không có các loài sinh vật nhiệt đới. (Sai)

d) Đất feralit chỉ có ở đai nhiệt đới gió mùa chân núi. (Đúng)

Câu 6. Cho thông tin sau:

Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là đới rừng cận xích đạo gió mùa. Thành phần thực vật và động vật phần lớn thuộc vùng khí hậu Xích đạo và nhiệt đới có nguồn gốc ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a di cư lên hoặc từ Ấn Độ, Mi-an-ma di cư sang.

a) Đây là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta.

b) Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế do đặc điểm về khí hậu quy định.

c) Các loài thực vật có nhiều loài rụng lá theo mùa, khả năng chịu hạn tốt chủ yếu có nguồn gốc từ phương Bắc xuống.

d) Xuất hiện nhiều loài thú có lông dày do khí hậu nóng quanh năm, phân mùa mưa khô rõ rệt, mùa khô kéo dài.

Câu 7. Cho thông tin sau:

Sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Đông - Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước.

b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi hướng tây bắc - đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.

c) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình hút gió mùa Đông Bắc.

d) Một số nơi của vùng Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên như vùng ôn đới do ảnh hưởng của địa hình núi cao.

Câu 8. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7

tại một số địa điểm ở nước ta

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
TP. Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

a) Huế có biên độ nhiệt độ năm cao nhất do vị trí địa lý quy định.

b) Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

c) Biên độ nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.

d) Hà Nội có biên độ nhiệt độ năm cao là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 9. Cho thông tin sau:

Hệ sinh thái tiêu biểu ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là rừng nhiệt đới gió mùa. Mùa đông có nhiều loài cây rụng lá; mùa hạ cây cối phát triển xanh tốt. Trong rừng có thành phần loài nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có các loài

cây cận nhiệt và ôn đới như dẻ, re, sa mu, pơ mu,...; các loài thú có lông dày như gấu, chồn,... Vào mùa đông, ở đồng bằng trồng được các loại cây vụ đông.

a) Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta chỉ có các loài nhiệt đới.

b) Mùa đông lạnh không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp ở phía Bắc nước ta.

c) Sự phân bố các loài cây như dẻ, re, sa mu ở phía Bắc cho thấy ảnh hưởng của điều kiện khí hậu đa dạng.

d) Nhiều loài cây rụng lá vào mùa đông là một hình thức thích nghi của thực vật với khí hậu lạnh.

Câu 10. Cho thông tin sau:

Đất ở vùng núi và cao nguyên chủ yếu là đất feralit trên đá bazan và đất feralit trên các loại đá khác. Vùng đồng bằng sông Cửu Long ngoài đất phù sa sông màu mỡ còn có đất phèn, đất mặn; dải đồng bằng ven biển miền Trung có đất phù sa nhưng kém màu mỡ hơn. Ngoài ra trong miền còn có đất cát và đất xám trên phù sa cổ.

a) Đất bazan màu mỡ thuận lợi cho Tây Nguyên và Đông Nam Bộ trồng nhiều cây công nghiệp lâu năm.

b) Diện tích đất phèn và đất mặn lớn gây khó khăn cho Đồng bằng sông Cửu Long trong cải tạo và sử dụng tự nhiên.

c) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích đất mặn lớn chủ yếu do địa hình bằng phẳng, ba mặt tiếp giáp với biển.

d) Đất đai phong phú, nhiều loại có giá trị là điều kiện thuận lợi chủ yếu nhất để miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ đa dạng cơ cấu cây trồng.

Câu 11. Cho thông tin sau:

Tài nguyên thiên nhiên của nước ta rất phong phú, đa dạng và có ở khắp nơi như khoáng sản, thủy năng, nông - lâm - thủy - hải sản, các tài nguyên khí hậu, tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên du lịch phục vụ cho các yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước, nâng cao đời sống của nhân dân.

a) Các nguồn tài nguyên của nước ta hiện nay còn rất dồi dào, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế.

b) Do dân số tăng lên nhanh nên diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người của nước ta thấp.

c) Nhà nước đã xây dựng cơ chế chính sách để bảo vệ tài nguyên đất thông qua Luật Đất đai, trong đó có các quy định nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên đất.

d) Tài nguyên khoáng sản phong phú, trữ lượng khoáng sản rất lớn là điều kiện thuận lợi để nước ta đẩy mạnh quá trình phát triển các ngành công nghiệp.

Câu 12. Cho thông tin sau:

Đất là tài nguyên quốc gia vô cùng quan trọng, là tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp và lâm nghiệp. Tuy nhiên, việc sử dụng đất hiện nay chưa hợp lý làm cho tài nguyên đất đang bị suy giảm. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới sự suy giảm tài nguyên đất, trong đó có cả nhân tố tự nhiên và nhân tố con người.

a) Hoang mạc hóa, mặn hóa, phèn hóa, suy giảm độ phì, ô nhiễm đất...là biểu hiện của suy giảm tài nguyên đất.

b) Tình trạng nước biển dâng, cát bay, sử dụng phân bón, chất thải công nghiệp...là các nguyên nhân tự nhiên làm cho đất bị suy thoái.

c) Các chất thải CN, giao thông, sinh hoạt và sử dụng phân hóa học....gây ô nhiễm đất, giảm độ phì trong đất.

d) Sự suy giảm tài nguyên rừng, biến đổi khí hậu,...dẫn tới tình trạng xói mòn, sạt lở, xâm nhập mặn... (Đúng)

Câu 13. Cho thông tin sau:

Việt Nam với 3/4 diện tích là đồi núi và rừng. Đây là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá đối với nước ta. Tuy nhiên, độ bao phủ của rừng và đồi núi ngày càng suy giảm do nạn khai thác rừng bất hợp pháp. Theo thống kê của Tổng cục lâm nghiệp, năm 2021, tỷ lệ che phủ rừng ở nước ta đạt 46%, đây là con số vẫn còn khiêm tốn so với kỳ vọng.

a) Diện tích rừng của nước ta hiện nay mặc dù có xu hướng tăng lên nhưng tài nguyên rừng vẫn suy giảm. (Đúng)

b) Biểu hiện của suy giảm tài nguyên rừng là diện tích rừng nguyên sinh hoàn toàn bị thay thế bằng rừng thứ sinh. (Sai)

c) Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến suy giảm tài nguyên rừng là do sử dụng quá mức trong một thời gian dài. (Đúng)

d) Sự suy giảm tài nguyên rừng gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với đời sống dân cư các vùng đồi núi. (Sai)

Câu 14. Cho thông tin sau:

Mặc dù đất là loại tài nguyên có thể tái sử dụng những việc khai thác quá mức dẫn đến thoái hóa đất. Nạn chặt cây, phá rừng làm đất dễ xói mòn. Ngày càng nhiều vụ sạt lở đất xảy ra, gây nguy hiểm cho người dân ở gần đó. Những hoạt động phun thuốc trừ sâu, bón phân vô tội vạ hay hoạt động công nghiệp khai thác khoáng sản đã thải lượng hóa chất độc hại vào đất, phá đi tính sinh học và dinh dưỡng của đất.

- a) Tài nguyên đất của nước ta hiện nay đang bị suy thoái ở nhiều nơi.
b) Ở khu vực đồng bằng, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến suy giảm tài nguyên đất là do việc sử dụng quá mức.
c) Tài nguyên đất suy giảm là nguyên nhân chính khiến nước ta phải chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp.
d) Giải pháp chủ yếu nhất để bảo vệ tài nguyên đất ở vùng đồi núi là tổ chức định canh, định cư cho dân cư miền núi.

3. Câu trả lời ngắn

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng tại Hà Nội năm 2021

(Đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	79,2	76,0	22,6	71,6	197,4	169,8	207,3	163,4	134,8	188,0	98,7	106,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021, NXB thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bsl trên tính tổng số giờ nắng của Hà Nội năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của giờ).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2022

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	95,6	70,8	128,3	381	157,3	33,8	61,3	157,5	448,8	1366,5	226,4	786,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Huế năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 của Hà Nội năm 2021 (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng 1	Nhiệt độ trung bình tháng 7
Hà Nội	16,4	28,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ của Hà Nội.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng tại Hà Nội năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tháng mưa nhiều nhất ở Vinh năm 2022 gấp bao nhiêu lần tháng mưa ít nhất? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 7. Thành phố Hồ Chí Minh có tổng lượng mưa trong năm là 1931 mm và lượng bốc hơi 1688 mm. Cho biết cân bằng ẩm trong năm của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu mm?

Câu 8. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại Huế

Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
25,1	19,7	29,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính biên độ nhiệt độ trung bình năm của Huế (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của °C).

Câu 9. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại TP. Hồ Chí Minh

Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính biên độ nhiệt độ trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của °C).

Câu 10. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại Vũng Tàu, năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết biên độ nhiệt độ năm tại Vũng Tàu là bao nhiêu °C?

Câu 11. Biết tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 là 14,7 triệu ha, diện tích rừng tự nhiên là 10,1 triệu ha. Hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng cả nước là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Câu 12. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 331 212 km², số dân năm 2022 là 99,47 triệu người (niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)

Câu 13. Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị : ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân của %)

Câu 14. Tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 là 14,7 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 10,1 triệu ha. Cho biết diện tích rừng trồng chiếm bao nhiêu % trong tổng diện tích rừng của nước ta? (làm tròn đến một chữ số thập phân của %)

Câu 15. Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị : ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ sinh của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu ‰ so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của ‰)

PHẦN II: TỰ LUẬN

Học tài nguyên sinh vật, tài nguyên nước.